



法規新知 IG-241210
Diễn tin Pháp luật
2024-12-28

標題 越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑
Tiêu đề SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

編撰 段晉達 律師
Người soạn Luật sư Đoàn Tấn Đạt

涉及範圍 碳權市場、溫室氣體、排放配額、碳中和、巴黎協定、越南政策、淨零排放、交易機制、清潔技術、碳排放權、監督與報告、國內市場、碳抵消、環保法、ETS系統、強制性市場。
Phạm vi liên quan Thị trường các-bon, Khí nhà kính, Hạn ngạch phát thải, Trung hòa carbon, Thỏa thuận Paris, Chính sách Việt Nam, Net Zero, Cơ chế giao dịch, Công nghệ sạch, Quyền phát thải carbon, Giám sát và báo cáo, Thị trường nội địa, Bù trừ các-bon, Luật bảo vệ môi trường, Hệ thống ETS, Thị trường bắt buộc.

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. **碳權**是一種可進行商業交易的認證，表示排放一噸二氧化碳（CO₂）或一噸二氧化碳當量（CO₂）的權利（《2020年環保法》第3條第35款）。

Tín chỉ carbon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí carbon dioxide (CO₂) hoặc một tấn khí carbon dioxide (CO₂) tương đương (khoản 35 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

2. **溫室氣體排放配額**是指國家、組織、個人在一定時間內允許排放的溫室氣體總量，按二氧化碳（CO₂）或二氧化碳當量（CO₂）以噸為單位計算（《2020年環保法》第3條第33款）。

Hạn ngạch phát thải khí nhà kính là lượng khí nhà kính của quốc gia, tổ chức, cá nhân được phép phát thải trong một khoảng thời gian xác định, được tính theo tấn khí các-bon dioxide (CO₂) hoặc tấn khí các-bon dioxide (CO₂) tương đương (khoản 33 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

由自然資源與環境部負責確認可在國內碳市場交易的溫室氣體排放配額。

Bộ Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền xác nhận hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn của thị trường carbon trong nước.

3. 對於為《巴黎協定》成員的國家，越南已強烈承諾實現「淨零排放」（Net Zero）的目標，其中之一的實施工具和解決方案是發展碳市場。碳市場將成為調節機制，以「公買公賣」的方式，在各組織、企業及中介方之間進行碳排放配額的中和（預計到2025年年底，將為需進行溫室氣體排放盤查的重點機構、單位分配排放配額）。碳市場上的碳價格將反映供需規律，並上漲至高排放企業（買方）需考慮轉換技術以減少對購買碳權補償的依賴，或接受支付超過排放配額的罰款。

Với các quốc gia là thành viên của Thỏa thuận Paris, trong đó Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ đạt mục tiêu Net Zero, thì một trong những công cụ, giải pháp thực hiện đó là phát triển thị trường các-bon. Thị trường sẽ là nơi điều tiết với cơ chế “thuận mua, vừa bán” giữa các tổ chức, doanh nghiệp, bên trung gian làm cầu nối để trung hòa các-bon theo hạn ngạch phân bổ (dự kiến cuối năm 2025 sẽ phân bổ hạn ngạch phát thải cho các cơ sở, đơn vị trọng điểm phải kiểm kê khí nhà kính). Giá các-bon trên thị trường sẽ phản ánh quy luật cung cầu và sẽ tăng đến giá trị mà bên cơ sở phát thải cao (bên mua) phải cân nhắc chuyển đổi công nghệ của mình để giảm phụ thuộc vào việc mua tín chỉ các-bon bù đắp hay chấp nhận đóng một khoản tiền phạt cho việc phát thải quá hạn ngạch của mình.

有關國際碳權交換的多項新內容：在草案中，自然資源與環境部提議補充關於根據《巴黎協定》第6.2條實施雙邊碳權交換與抵消機制的規定。

Nhiều nội dung mới về trao đổi tín chỉ carbon quốc tế: Tại dự thảo, Bộ TN-MT cũng đề xuất bổ sung quy định về thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon song phương theo Điều 6.2 của Thỏa thuận Paris.

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

4. 有關碳權的法律規定體現在以下法律文件中：

Các quy định pháp luật liên quan đến tín chỉ Carbon được nêu trong các văn bản pháp luật sau:

- (i) 《2020 年環保法》被通過，並首次規定國內碳市場的組織與發展（《環保法》第 91 條、第 139 條）。其中，自然資源與環境部負責設立越南的排放交易系統（ETS）總配額，確定配額分配方法及排放交易系統適用的碳抵消機制。

Luật bảo vệ môi trường năm 2020 được thông qua, lần đầu tiên quy định về tổ chức và phát triển thị trường carbon trong nước (Điều 91, Điều 139 Luật bảo vệ môi trường), trong đó Bộ tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ thiết lập tổng hạn ngạch cho ETS của Việt Nam và xác định phương pháp phân bổ hạn ngạch cũng như cơ chế tín chỉ bù trừ carbon sẽ được áp dụng trong Hệ thống giao dịch phát thải.

氣體盤查與排放配額分配：根據《2020 年環保法》第 91 條的規定，主要溫室氣體包括二氧化碳（CO₂）、甲烷（CH₄）和一氧化二氮（N₂O）。其他濃度低但溫室效應潛力高的氣體包括氫氟碳化物（HFCS）、全氟碳化物（PFCS）、六氟化硫（SF₆）及三氟化氮（NF₃）。溫室氣體盤查是減少溫室氣體排放的內容之一。

Kiểm kê khí và phân bổ hạn ngạch phát thải: Theo quy định tại Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các khí nhà kính chính là các-bon dioxide (CO₂), methane (CH₄) và nitrous oxide (N₂O). Các khí có hàm lượng thấp nhưng có tiềm năng cao gây hiệu ứng nhà kính là hydrofluorocác-bons (HFCS), perfluorocác-bons (PFCS), sulphur hexafluoride (SF₆) và nitrogen, trifluoride (NF₃). Kiểm kê khí nhà kính là một trong những nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- (ii) 第 06/2022/NĐ-CP 號議定（簡稱為「第 06 號議定」）規定國內碳市場的發展路線與實施時間。該議定確定從碳權的發行到交易的相關活動的原則與流程。

Nghị định 06/2022/NĐ-CP (gọi tắt “**Nghị định 06**”) quy định về lộ trình phát triển, thời điểm triển khai carbon trong nước. Nghị định xác định các nguyên tắc và quy trình thực hiện các hoạt động liên quan đến tín chỉ carbon, từ việc phát hành đến giao dịch.

此外，該議定還規定減少溫室氣體排放、保護臭氧層、組織與發展碳市場，以及促進減少溫室氣體排放、保護臭氧層的措施。該議定適用於與溫室氣體排放、減排及吸收相關；參與國內碳市場發展以及與區域和全球碳市場連接；進行生產、進口、出口、消費和處理《蒙特利爾議定書》中受控的臭氧層消耗及溫室效應的物質之組織、個人。

Ngoài ra, Nghị định còn quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ozone, tổ chức và phát triển thị trường các-bon và các biện pháp thúc đẩy hoạt động về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Nghị định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính; tham gia phát triển thị

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

trường các-bon trong nước, kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới; hoạt động sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ và xử lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozone.

➤ 政府於第 06 號議定第 16 條規定可參與越南碳市場的對象如下：

Tại Điều 16 Nghị định 06, Chính phủ đã quy định về **đối tượng được phép tham gia thị trường carbon ở Việt Nam** như:

- 屬於由政府總理頒布的需進行溫室氣體盤查的溫室氣體排放領域、機構清單之機構。

Cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kê kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- 參與國內外碳權交換與抵消機制的組織，需符合越南社會主義共和國簽署及參加的規定、法律、條約。

Tổ chức tham gia thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước, ngoài nước phải phù hợp với quy định, pháp luật, điều ước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký và tham gia.

- 與碳市場碳權、溫室氣體排放配額的投資、經營或東相關的其他組織、個人。

Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ carbon trên thị trường carbon.

➤ 第 06 號議定第 17 條規定越南碳市場的發展路徑與時間如下：

Tại Điều 17 Nghị định 06 quy định về **lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường carbon tại Việt Nam** hiện nay như sau:

- 至 2027 年年底的階段

Giai đoạn đến hết năm 2027

- + 制定碳權管理規定，溫室氣體排放配額和碳權交換活動的管理規定；制定碳權交易所運營規制。

Xây dựng quy định quản lý tín chỉ carbon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon;

- + 在潛力領域試點開展碳權交換與抵消機制，並指引實施國內外的碳權交換與抵消機制，確保符合法律規定及越南社會主義共和國為成員的國際條約。

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

+ 自 2025 年起，建立並試運行碳權交易所。

Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon kể từ năm 2025;

+ 開展提高對發展碳市場的能力、認識的活動。

Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường carbon.

- 自 2028 年起的階段

Giai đoạn từ năm 2028

+ 2028 年正式運行碳權交易所。

Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon chính thức trong năm 2028;

+ 制定與區域及全球碳市場連接、交換碳權的活動。

Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ carbon trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới.

結論：根據《2020 年環保法》和《第 06/2022/NĐ-CP 號議定》的規定，2025 年是碳權交易試點的關鍵年份，越南強制性碳權交易所預計將於 2027 年年底啟動。目前，與國際碳市場相比，碳權的交易活動相當溫和。原因是越南的政策和資源還尚未充分準備。

Kết luận: Như vậy, theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định năm 2025 là năm bản lề thực hiện thí điểm thương mại tín chỉ carbon và sàn tín chỉ carbon bắt buộc của Việt Nam dự kiến bắt đầu triển khai vào cuối năm 2027. Hiện tại các hoạt động mua bán tín chỉ carbon diễn ra khá cầm chừng so với thị trường quốc tế. Nguyên nhân do chính sách và nguồn lực Việt Nam chưa sẵn sàng.

擴展中國市場區域：規定允許國內市場與區域和世界碳市場之間的連接交易和交換碳權。中國在 2011-2015 年經濟與社會發展計畫中開始提及碳市場建設，並在不同經濟水準的地區和城市進行大規模試點。2021 年 7 月 16 日，中國碳交易市場正式運行，以實現 2060 年碳中和的目標。

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Mở rộng khu vực thị trường Trung Quốc: Quy định cho giao dịch kết nối và trao đổi tín chỉ carbon giữa thị trường trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới. Trung Quốc bắt đầu đề cập việc xây dựng thị trường carbon trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011- 2015. Sau đó tiên hành thử nghiệm trên diện rộng tại nhiều khu vực và thành phố với mức độ kinh tế khác nhau. Đến ngày 16/07/2021, thị trường giao dịch carbon của Trung Quốc chính thức đi vào hoạt động nhằm đạt mục tiêu trung hòa Carbon vào năm 2060.

- **確認在交易所進行交易的碳權和溫室氣體排放配額 (第 06 號議定第 18 條)。** 碳權和溫室氣體排放配額的確認步驟依照第 06 號議定和《2020 年環保法》的規定進行。可交易的碳權和溫室氣體排放配額的確認書以隨附政府於 2022/1/7 規定溫室氣體減量和污染保護之第 06/2022/NĐ-CP 號議定附錄五的 02 號表格為準。

Xác nhận tín chỉ carbon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn giao dịch (Điều 18 Nghị định 06). Các bước thực hiện việc xác tín chỉ carbon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện theo quy định tại Nghị định 06 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Giấy xác nhận tín chỉ carbon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch theo Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô – dôn.

- **第 06/2022/NĐ-CP 號議定第 19 條規定在碳權交易所和國內碳市場上溫室氣體排放配額和碳權的交換活動。** 為了對拍賣、轉讓、借貸、支付排放配額以及使用碳權於抵消溫室氣體排放之活動作出詳細指引，自然資源與環境部已將此內容納入 2022/1/7 第 01/2022/TT-BTNMT 號通知中，詳細規定環保法應對氣候變遷的實施。

Các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ carbon trên sàn giao dịch tín chỉ carbon, thị trường carbon trong nước đã được quy định tại **Điều 19** của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Để hướng dẫn chi tiết các hoạt động đấu giá, chuyển giao, vay mượn, nộp trả hạn ngạch phát thải, sử dụng tín chỉ carbon để bù trừ phát thải nhà kính, Bộ tài nguyên và Môi trường đã đưa nội dung này vào **Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT** ngày 07/01/2022 quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu.

- **碳權抵消**

Bù trừ tín chỉ carbon

- 第 06 號議定第 3 條第 5 款規定：「碳權的交換與抵消機制是指根據國際或越南承認的方法，註冊並實施減少溫室氣體排放和生成碳權的計劃和項目。這些計劃和項目產生的碳權可在碳市場進行交易，或用於抵消超出分配配額的溫室氣體排放量」。

Khoản 5 Điều 3 Nghị định 06 quy định: “Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon là các cơ chế thực hiện việc đăng ký, triển khai các chương trình, dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tạo tín chỉ các-bon theo các phương pháp được quốc tế hoặc Việt Nam công nhận. Tín chỉ

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

các-bon từ các chương trình, dự án được trao đổi trên thị trường các-bon hoặc bù cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch được phân bổ”.

- 第 06 號議定第 8 條第 1 款規定可以根據法律規定和越南社會主義共和國為成員的國際條約參與國內和國際碳權交換和抵消機制的對象，包括：由國家交付森林、出租森林；交付土地、出租土地以進行造林；自行恢復和發展森林；依法通過轉讓、贈與、繼承的方式取得森林的組織、家庭戶、個人及居民社區，有責任制定並實施森林永續管理措施，保護和提高森林覆蓋率、生物量及森林質量，以增強溫室氣體吸收能力。

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 06 được tham gia vào cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên bao gồm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng để tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính.

- 根據碳權交換和抵銷機制（第 06 號議定第 20 條）註冊計畫和項目。

Đăng ký chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ Carbon (Điều 20 Nghị định 06).

- 發展國內碳市場的責任（第 06 號議定第 21 條第 2 款）。

Trách nhiệm phát triển thị trường carbon trong nước (khoản 2 Điều 21 Nghị định 06).

- 財政部主持建設設立碳權交易所，頒布碳市場運作財務管理機制。

Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.

- 自然資源與環境部主持協調相關部門組織碳權交易試點和正式運行，服務碳市場的管理、監測和監督；規範國內碳權交易所與區域和世界碳市場的連接活動；規範碳權交換和抵銷機制的實施；為碳市場參與者制作宣傳資料並進行能力建構活動。

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan **tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi**, giám sát thị trường các-bon; quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới; quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- 各部門、部級機構、省級人委會負責配合自然資源與環境部、財政部落實本條第 1 款、第 2 款的規定和促進碳市場發展的活動；組織大眾媒體宣傳宣傳，提高社會大眾對碳市場的認識。

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.

- (iii) 政府總理於 2024 年 8 月 13 日頒布關於必須進行溫室氣體盤查的溫室氣體排放領域、機構清單之第 13/2024/QĐ-TTg 號決定。

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 về Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

第 13/2024/QĐ-TTg 號決定第 3 條第 2 款新增內容如下：「屬於 2022 年 12 月 18 日第 01/2022/QĐ-TTg 號決定所列清單中，但非屬本決定規定清單中的溫室氣體排放機構，沒有義務執行並報送 2025 年基層溫室氣體盤查報告」。

Điều mới trong Quyết định 13/2024/QĐ-TTg quy định tại khoản 2 Điều 3 như sau: “Các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục quy định tại Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 nhưng không thuộc danh mục quy định tại Quyết định này không có nghĩa vụ thực hiện và nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở năm 2025”.

- (iv) 2022 年 11 月 15 日第 17/2022/TT-BTNMT 號通知制定減少溫室氣體排放的測量、報告、評估技術及廢棄物管理領域的溫室氣體盤查。本通告的目標是為未來實現廢棄物管理中減少溫室氣體排放的目標奠定堅實的基礎。

Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT được ban hành ngày 15/11/2022 với nội dung quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải. Mục tiêu của thông tư này là tạo ra một nền tảng vững chắc để đạt được các mục tiêu giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong quản lý chất thải trong thời gian tới.

- (v) 政府辦公室於 2022 年 1 月 26 日向財政部和自然資源與環境部發出批准越南碳市場發展提案之第 648/VPCP-NN 號公文。

Công văn số 648/VPCP-NN ngày 26/01/2022 của Cơ quan Văn phòng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam gửi Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- (vi) 政府總理簽署並頒布關於加強碳權管理工作以落實國家自主貢獻之第 13/CT-TTg 號指示。

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Thủ tướng chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg về tăng cường công tác quản lý tín chỉ carbon nhằm thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định.

- (vii) **其他規定：**財政部、自然資源與環境部正在協調制定建立碳權交易所和該市場活動的財務管理機制的相關規定。這將為未來的碳權交易創造有利條件。這些文件不僅有助於越南履行減少溫室氣體排放的國際承諾，還為企業和組織參與碳市場創造機會，為永續發展做出貢獻。

Các quy định khác: Bộ tài chính và Bộ tài nguyên và Môi trường đang phối hợp xây dựng các quy định liên quan đến việc thành lập sàn giao dịch tín chỉ carbon và cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường này. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch tín chỉ carbon trong tương lai. Những văn bản này không chỉ giúp Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà còn tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp và tổ chức tham gia vào thị trường carbon, góp phần vào sự bền vững của nền kinh tế.

- (viii) **農業與農村發展部**主持協調自然資源與環境部、相關部門及有森林地方緊急建立現狀資料庫，評估國家、區域和地方各級森林碳減排和碳吸收的潛力，直至 2030 年，並著眼於 2050 年。主持和協調自然資源與環境部、相關機構和有森林地方，尋找森林碳減排和碳吸收的潛力，為實施 NDC 目標做出貢獻，以此為基礎與國際合作夥伴開展森林碳權交換活動。

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan và địa phương có rừng khả năng xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng và đánh giá tiềm năng giảm phát thải và hấp thụ carbon từ rừng cấp quốc gia, vùng, địa phương đến năm 2030 và có tính đến năm 2050. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan và các địa phương có rừng xác định tiềm năng giảm phát thải và hấp thụ carbon từ rừng đóng góp cho việc thực hiện mục tiêu NDC để làm cơ sở cho các hoạt động trao đổi tín chỉ carbon rừng với các đối tác quốc tế;

- (ix) **重大案件統計**

Thống kê những trường hợp đáng chú ý

根據 UNFCCC 資料庫，截至 2022 年 12 月 5 日，越南 CDM 機制下碳權項目總數為 258 個，其中 15 個項目已成功註冊。越南 CDM 項目發放的信用總量為 30,736,808 CERs。

Theo cơ sở dữ liệu từ UNFCCC tính đến ngày 05/12/2022 tổng số dự án tín chỉ carbon theo cơ chế CDM tại Việt Nam là 258 dự án và 15 dự án đã được đăng ký thành công. Tổng số tín chỉ phát hành từ các dự án CDM tại Việt Nam là 30.736.808 CERs.

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

CDM 項目是採用新的、先進的、環保技術的生產投資項目，其減少溫室氣體排放的成果得到國際 CDM 執委會（由氣候公約參加國組成並授權監督 CDM 項目的組織）批准並簽發減排證書。

Dự án CDM là dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính được Ban chấp hành quốc tế về CDM (là tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM) chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải khí.

規定《京都議定書》架構內清潔發展機制（CDM）項目制定、簽發確認函及核准函（2014年3月24日第15/2014/TT-BTNMT號通知）。

Quy định xây dựng, cấp thư xác nhận, cấp thư phê duyệt dự án theo cơ chế phát triển sạch (CDM) trong khuôn khổ nghị định thư Kyoto (Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24/03/2014).

(x) 碳市場是交換溫室氣體排放權的場所，即買賣碳權或配額的場所。

Thị trường carbon là nơi trao đổi quyền phát thải khí nhà kính tức là nơi mua bán tín chỉ hoặc hạn ngạch carbon.

在碳市場上，企業和組織如果需要抵消排放以實現自願或強制減排目標，則購買碳排放權。相較之下，賣方是擁有多餘所授予的排放權或有能力透過碳權創造排放權的一方。

Trên thị trường carbon, các doanh nghiệp, tổ chức mua quyền phát thải carbon nếu cần bù đắp lượng phát thải để đạt mục tiêu giảm phát thải tự nguyện hoặc bắt buộc. Ngược lại, bên bán là phía thừa quyền phát thải được cấp hoặc có khả năng tạo ra các quyền phát thải thông qua tín chỉ carbon.

- 碳市場上可交易的碳資產的兩種主要類型是碳權和溫室氣體排放配額。具體來說，碳權是根據經過認證的溫室氣體排放量減少量而產生的，其中一個碳權相當於在參考水平上避免（未排放）或吸收一噸二氧化碳。

Hai loại tài sản carbon chính được giao dịch trên thị trường carbon là tín chỉ carbon và hạn ngạch phát thải nhà kính. Cụ thể tín chỉ carbon được tạo ra từ việc giảm phát thải khí nhà kính đã được chứng nhận, với một tín chỉ tương đương một tấn CO₂ đã được tránh (không phát thải) hoặc hấp thụ với mức tham chiếu.

- 同時，國家管理機構對名單上需要管理溫室氣體排放的企業組強制發放排放配額。配額是他們在一個週期內允許排放的溫室氣體量。如果他們沒有排放全部配額，企業可以將其出售。反之，不足的單位則必須向企業追加購買配額。

Trong khi đó, hạn ngạch phát thải được cơ quan quản lý nhà nước phát hành bắt buộc cho các nhóm doanh nghiệp nằm trong danh sách cần quản lý phát thải khí nhà kính. Hạn ngạch là

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

lượng khí nhà kính họ được quyền phát thải trong một chu kỳ. Nếu không phát thải hết hạn ngạch thì doanh nghiệp có thể bán. Ngược lại, đơn vị thiếu phải mua thêm hạn ngạch từ doanh nghiệp.

- 碳市場的兩種主要類型：

Hai loại thị trường carbon chính:

- + 自願市場是組織、公司或國家透過雙邊或交易所協商買賣碳權的場所。信用購買方在自願的基礎上進行交易，以滿足環境、社會和公司治理（ESG）政策，從而最大限度減少碳足跡。

Thị trường tự nguyện là nơi các tổ chức, công ty hoặc quốc gia thỏa thuận song phương hoặc qua một sàn giao dịch để mua bán tín chỉ carbon. Bên mua tín chỉ tham gia vào các giao dịch trên cơ sở tự nguyện để đáp ứng các chính sách về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) để giảm thiểu dấu carbon.

- + 強制性碳市場是溫室氣體排放配額及一定數量碳權的交易場所，幫助企業依照法律規定履行溫室氣體減量義務。

Thị trường carbon bắt buộc là nơi giao dịch các hạn ngạch phát thải khí nhà kính và một số tín chỉ carbon để giúp doanh nghiệp đạt tuân thủ nghĩa vụ giảm phát thải khí nhà kính của mình theo quy định pháp luật.

強制性碳市場是根據各國在《聯合國氣候變遷綱要公約》（UNFCCC）中所做的承諾進行碳權交易的場所，以實現減少溫室氣體排放的目標。該市場是強制性的，主要針對清潔發展機制（CDM）和永續發展機制（SDM）或聯合執行機制（JI）下的項目。

Thị trường carbon bắt buộc (Mandatory Carbon Market) là nơi việc mua bán tín chỉ carbon diễn ra dựa trên các cam kết của các quốc gia trong Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) nhằm đạt được mục tiêu cắt giảm khí nhà kính. Thị trường này có tính bắt buộc và chủ yếu dành cho các dự án thuộc cơ chế phát triển sạch (CDM) và cơ chế phát triển bền vững (SDM) hoặc đồng thực hiện (JI).

該市場通常是一個排放交易系統（ETS），由政府或監管機構建立和營運。全球約有 48 個國家建立強制性市場。一個典型的例子是歐盟排放交易體系（EU ETS）。

Thị trường này thường là hệ thống giao dịch ngạch phát thải (ETS), do chính phủ hoặc cơ quan quản lý thiết lập và vận hành. Toàn cầu đang có khoảng 48 quốc gia thành lập thị trường bắt buộc. Ví dụ điển hình là hệ thống mua bán phát thải Liên minh Châu Âu (EU ETS).

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

(xi) 碳權交易流程

Quy trình giao dịch tín chỉ carbon

根據第 06/2022/NĐ-CP 號議定，碳權交易需通過碳權交易市場進行。這是處理碳權、溫室氣體排放配額的買賣交易，以及溫室氣體排放配額的拍賣、借貸、繳納及轉讓的中心。

Theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, giao dịch tín chỉ carbon được thực hiện qua sàn giao dịch tín chỉ carbon. Đây là trung tâm xử lý các giao dịch mua bán tín chỉ carbon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính cũng như đấu giá, vay mượn, nộp trả và chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

碳權交易步驟

Các bước thực hiện giao dịch tín chỉ carbon

步驟一：註冊參與碳權市場

Bước 1: Đăng ký tham gia thị trường tín chỉ carbon

- 參與對象 Đối tượng tham gia
 - 屬於必須進行溫室氣體排放盤查及減排的企業。
Doanh nghiệp thuộc danh mục phải kiểm kê và giảm thải phát thải khí nhà kính.
 - 有購買或出售碳權需求的組織、個人。
Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua bán tín chỉ carbon.
- 企業必須依法執行溫室氣體排放盤查，包括測量、報告和核實排放量（MRV）。
Doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính bao gồm đo đạc, báo cáo và xác nhận lượng phát thải (MRV) theo quy định.
- 向自然資源與環境部提交參與市場的註冊申請文件。
Nộp hồ sơ đăng ký tham gia thị trường cho Bộ tài nguyên môi trường.

結果：通過批准後，企業可進入碳權註冊系統，並接觸國內碳權交易市場。

Kết quả: được phê duyệt tham gia vào hệ thống đăng ký tín chỉ carbon và tiếp cận sàn giao dịch tín chỉ carbon nội địa.

步驟二：核發碳權

Bước 2: Cấp tín chỉ carbon

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

核發條件：碳權依據減排或抵消的量級，經審權機關核實後核發。

Điều kiện để cấp tín chỉ: Tín chỉ carbon được cấp dựa trên lượng phát thải giảm hoặc bù đắp, xác minh bởi cơ quan có thẩm quyền.

組織、個人向自然資源與環境部提交碳權核發申請文件。碳權將依照數量與來源的規定通過國家碳權管理系統核發。

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ carbon cho Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tín chỉ carbon được cấp thông qua hệ thống quản lý tín chỉ carbon quốc gia, tuân thủ quy định về số lượng và nguồn gốc.

結果：碳權被核發，並存儲於數據庫中，準備進行交易。

Kết quả: Tín chỉ được cấp phát, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu và sẵn sàng giao dịch.

步驟三：在國內市場交易碳權

Bước 3: Giao dịch tín chỉ carbon trên sàn nội địa

- 碳權交易所：越南預計自 2025 年起試點運行碳權交易所，作為買賣雙方的聯結平台。

Sàn giao dịch tín chỉ carbon: Việt Nam dự kiến vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon bắt đầu từ năm 2025 với vai trò kết nối giữa người bán với người mua.

- 交易形式：直接在國內碳權交易所上進行交易，或通過企業間的雙邊合同。

Hình thức giao dịch: Mua bán giao dịch trực tiếp trên sàn giao dịch tín chỉ carbon nội địa; hoặc Hợp đồng song phương giữa các doanh nghiệp.

- 交易所上的交易流程：

Quy trình giao dịch trên sàn:

- 碳權掛牌：碳權需註冊並在市場上掛牌。

Niêm yết tín chỉ carbon: Tín chỉ carbon được đăng ký và niêm yết trên sàn.

- 交易下單：買賣雙方下單，確定數量與價格。

Đặt lệnh giao dịch: Các bên mua/bán đặt lệnh, xác định số lượng và giá cả.

- 交易執行：雙方達成協議後，市場將處理付款及碳權轉讓。

Thực hiện giao dịch: Khi hai bên đạt được thỏa thuận, sàn sẽ xử lý thanh toán và chuyển nhượng tín chỉ carbon.

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- **交易記錄：**碳權將記錄於管理系統中，確保新所有權。

Ghi nhận giao dịch: Tín chỉ được ghi nhận vào hệ thống quản lý để đảm bảo quyền sở hữu mới.

步驟四：監督與報告

Bước 4: Giám sát và báo cáo

- **要求報告：**相關機構及企業需定期報告排放量、已使用或出售的碳權。

Yêu cầu báo cáo: Các tổ chức, doanh nghiệp báo cáo định kỳ về lượng phát thải, tín chỉ carbon đã sử dụng, bán.

- **管理機關：**由自然資源與環境部監督，確保透明與合規。

Cơ quan quản lý: Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện giám sát để đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ.

步驟五：執行減排措施

Bước 5: Thực hiện các biện pháp giảm phát thải

遵守排放規定，並創造未來的碳權。

Đảm bảo tuân thủ quy định phát thải và tạo thêm tín chỉ carbon trong tương lai

措施：投資清潔技術、使用可再生能源，或實施環保項目（如森林保護及廢棄物管理）以生成額外碳權。

Các biện pháp: Đầu tư công nghệ sạch, sử dụng năng lượng tái tạo hoặc thực hiện dự án bảo vệ môi trường để tạo thêm các tín chỉ carbon: dự án bảo vệ rừng và quản lý, kiểm soát chất thải.

除了實施減少溫室氣體排放的措施外，越南還以面向未來的戰略眼光鼓勵交換國內和國際碳權的國際合作。參與國際碳權市場，學習營運經驗，交換國內外碳權，出售國內項目碳權。

Bên cạnh việc thực hiện các biện pháp giảm phát thải phát thải nhà kính, tại Việt Nam khuyến khích hợp tác quốc tế trao đổi tín chỉ carbon trong nước và quốc tế tầm nhìn chiến lược tương lai. Tham gia thị trường tín chỉ carbon quốc tế để học hỏi kinh nghiệm vận hành, trao đổi tín chỉ carbon trong nước và ra nước ngoài, bán tín chỉ carbon từ các dự án trong nước.

結論：越南的碳權交易流程不僅是減少排放的經濟工具，也是永續發展策略和落實2050年淨零承諾的重要一步。

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Kết luận: Quy trình giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam không chỉ là công cụ kinh tế để giảm thiểu phát thải mà còn là bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững và thực hiện cam kết Net Zero vào năm 2050.

(xii) 碳權是否為資產？

Tín chỉ carbon có phải là một tài sản không?

《2015年民事法》第105條規定：

Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

- 資產包括物品、貨幣、有價文件及財產權利。資產分為不動產與動產。
Tài sản bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản chia làm bất động sản hoặc động sản.

碳權

Tín chỉ carbon:

- 非物品（無實物形態）Không phải vật (không có hình thái vật chất).
- 非貨幣或有價文件 Không phải tiền hoặc giấy tờ có giá trị.
- 可以暫時歸類為產權，具體是在「其他產權」類別下，因為它透過交易或抵消排放提供經濟價值。
Có thể tạm thời được phân loại là một quyền tài sản, cụ thể thuộc nhóm “quyền tài sản khác” vì nó mang lại giá trị kinh tế thông qua giao dịch hoặc bù đắp phát thải.
- 碳權本質上是無形的，不以特定的物理形式存在，而是代表排放或抵消一定數量溫室氣體排放的權利。目前，法律尚無明確規定承認碳權為獨立資產。在一些爭議中，碳權被視為合約產生的權利，而不是一項單獨的資產。
Tín chỉ carbon mang bản chất vô hình, không tồn tại dưới dạng vật chất cụ thể mà đại diện cho quyền phát thải hoặc bù đắp một lượng phát thải khí nhà kính nhất định. Hiện nay, pháp luật chưa có quy định rõ ràng công nhận tín chỉ carbon là tài sản độc lập. Trong một số tranh chấp, tín chỉ carbon được coi là quyền phát sinh từ hợp đồng, chứ không phải một loại tài sản riêng biệt.
- 為了使碳權對所有者俱有真正的價值，法律必須將其認定並保護為一種資產。這意味著碳權需要賦予擁有者基本權利，包括占有、使用和處置。

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Để tín chỉ carbon có giá trị thực sự cho người sở hữu, cần được pháp luật công nhận và bảo vệ như một loại tài sản. Điều này đồng nghĩa với việc tín chỉ carbon phải trao cho chủ sở hữu các quyền cơ bản, bao gồm: chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.

- 雖然尚無法律依據確認碳權是有形資產還是無形資產，但從其性質來看，這是一種不存在物質形態、且可被擁有和交易的資產。因此，碳權被視為一種無形資產。

Tuy chưa có cơ sở pháp lý khẳng định tín chỉ carbon là tài sản hữu hình hay vô hình, nhưng dựa trên bản chất, đây là loại tài sản không tồn tại vật chất và có thể được sở hữu, mua bán. Vì vậy, tín chỉ carbon được xem như một dạng tài sản vô hình.

(xiii) 碳排放權交易收入免稅規定

Miễn thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ phát thải

- 第 01/VBHN-VPQH 號合併文件第 4 條規定多個領域的企業的 11 類收入免徵企業所得稅，其中包括來自「持有核證減排量證書(CERs)企業的核證減排量證書轉讓收入」的收入。

Tại Điều 4 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH quy định 11 loại thu nhập của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong đó có thu nhập từ việc “Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải”.

- 來自自願排放證書 (VERs) 的收入非屬豁免企業所得稅的對象。

Thu nhập từ chứng chỉ phát thải tự nguyện (VERs) không thuộc diện miễn thuế TNDN.

- 此外，根據企業所得稅法修訂草案（預計於 2026 年 1 月 1 日起生效）第 4 條的規定，還有以下多項重要變更：

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 4 Dự thảo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp sửa đổi (dự kiến có hiệu lực từ 01/01/2026), có một số thay đổi quan trọng như sau:

- 免徵企業所得稅對於碳權轉讓所取得的收入，但只適用於企業發放碳權後的首次轉讓交易。

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ carbon, nhưng chỉ áp dụng cho giao dịch chuyển nhượng lần đầu sau khi doanh nghiệp phát hành tín chỉ.

- 補充碳權轉讓的收入是免徵企業所得稅的收入。

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Bổ sung thêm khoản thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ Carbon là thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

該草案尚未日正式生效，如果沒有變化，草案將於 2026 年 1 月 1 日起生效。

Dự thảo này hiện chưa chính thức có hiệu lực và nếu không có gì thay đổi thì Dự thảo sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

(xiv) 第 06/2022/NĐ-CP 號議定的重要內容

Những nội dung quan trọng trong Nghị định 06/2022/NĐ-CP.

1. 建立國內碳市場的運作機制。

Thiết lập cơ chế vận hành thị trường carbon nội địa.

2. 制定碳市場的發展路線與實施時間表。

Xây dựng lộ trình phát triển và thời gian triển khai thị trường carbon nội địa.

3. 定義碳權。

Định nghĩa tín chỉ carbon.

4. 溫室氣體排放補償機制。

Cơ chế bù trừ phát thải nhà kính.

5. 規定碳市場參與對象。

Quy định đối tượng tham gia thị trường carbon.

6. 推動碳權交易的合作關係。

Thúc đẩy quan hệ hợp tác trong mua bán tín chỉ carbon.

7. 碳權交易監督與報告規定。

Các quy định về giám sát và báo cáo liên quan đến giao dịch tín chỉ carbon.

8. 國家機構在國內碳市場發展中的職責。

Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc phát triển thị trường carbon trong nước.

9. 國內市場碳排放配額與碳權的交換。

Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

(xv) 交易安全問題

Vấn đề an toàn trong giao dịch

碳權作為無形資產，依賴第三方評估，這使得所有權保護及轉讓複雜化。解決此問題需依賴穩固的基礎設施，包括：

Tín chỉ carbon là tài sản vô hình và phụ thuộc vào sự đánh giá của bên thứ ba. Điều này gây phức tạp trong việc bảo mật và chuyển nhượng quyền sở hữu. Để giải quyết vấn đề này, thị trường tín chỉ carbon cần có một nền tảng cơ sở vững chắc bao gồm:

- 資訊登記系統，以明確所有權並防止資產追回。

Hệ thống đăng ký thông tin để xác định rõ ràng quyền sở hữu và ngăn chặn việc thu hồi tài sản.

- 對受讓方的控制機制，以便管理碳權所有權，為市場參與者創造透明度和信任。

Cơ chế kiểm soát cho bên nhận chuyển nhượng để quản lý quyền sở hữu tín chỉ carbon thuận tiện, tạo sự minh bạch và tin tưởng cho các bên tham gia vào thị trường.

- 建立保護性法律體系，以確保碳市場的交易、購買活動、碳權相關項目的實施透明、同步進行。

Xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ, nhằm bảo đảm các hoạt động giao dịch, mua bán trên thị trường carbon, cũng như việc triển khai các dự án liên quan đến tín chỉ carbon, được thực hiện minh bạch và đồng bộ.

- 保護碳權交易中關鍵信息。

Bảo mật thông tin quan trọng trong các giao dịch tín chỉ carbon.

越南正在建立碳權市場的法律框架，目標是在 2028 年正式運作。但是目前，建立具體法規來管理和監控碳權交易仍面臨許多挑戰。這種短缺可能會對參與市場的投資者和企業創造一個不安全的環境。

Việt Nam đang trong quá trình xây dựng khung pháp lý cho thị trường tín chỉ carbon, với mục tiêu chính thức vận hành vào năm 2028. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều thách thức trong việc thiết lập các quy định cụ thể để quản lý và giám sát các giao dịch tín chỉ carbon. Sự thiếu hụt này có thể tạo ra môi trường không an toàn cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp tham gia vào thị trường.

越南碳權市場的發展：機制、挑戰與實施路徑

SỰ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON CỦA VIỆT NAM: CƠ CHẾ, THÁCH THỨC VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

為了確保越南碳權交易的安全，需要審權機關、企業和相關組織之間的合作，建立堅實的法律框架，同時提高有關交易的透明度和安全性。這不僅有助於保護參與者的利益，也促進越南碳權市場的永續發展。

Để đảm bảo an toàn trong giao dịch mua bán tín chỉ carbon tại Việt Nam, cần có sự hợp tác giữa các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan để xây dựng một khung pháp lý vững chắc, đồng thời nâng cao tính minh bạch và bảo mật trong các giao dịch liên quan. Việc này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam.

聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, HaNoi

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



廣州市天河區金穗路 8 號 - 星匯國際大廈 22 樓
F22 號房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
為您思考 用心服務

